

- Gọi HS đọc lại đề bài.

- Nhận xét chung:

*Ưu điểm

- HS hiểu đề, viết đúng yêu cầu của đề.

+ Dùng đại từ nhân xưng trong bài có nhất quán (với các đề kể lại theo lời 1 nhân vật trong truyện)

- Diễn đạt câu, ý.

+ Sự việc, cốt truyện liên kết giữa các phần.

+ Thể hiện sự sáng tạo khi kể theo lời nhân vật.

+ Chính tả, hình thức trình bày bài văn

- GV nêu tên những HS viết đúng yêu cầu của đề bài, lời kể hấp dẫn, sinh động, có sự liên kết giữa các phần; mở bài, thân bài, kết bài hay.

*Khuyết điểm

- GV nêu các lỗi điển hình về ý, về dùng từ, đặt câu, đại từ nhân xưng, cách trình bày bài văn, chính tả...

+ Viết trên bảng phụ các lỗi phổ biến.

- Lưu ý: Không nêu tên những HS bị mắc các lỗi trên trước lớp.

- Trả bài cho HS.

HD2: Hướng dẫn chữa bài:

- Yêu cầu HS tự chữa bài của mình bằng cách trao đổi với bạn bên cạnh.

- GV đi giúp đỡ những HS M1+M2.

HD3: Học tập những đoạn văn hay, bài văn tốt:

- GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn hay, bài được điểm cao đọc cho các bạn nghe. Sau mỗi HS đọc, GV hỏi để HS tìm ra: cách dùng từ, lời diễn đạt, ý hay,...

* Tuyên dương hs M3+M4

HD4. Hướng dẫn viết lại một đoạn văn:

- Gọi ý HS viết lại đoạn văn khi:

+ Đoạn văn có nhiều lỗi chính tả.

+ Đoạn văn lủng củng, diễn đạt chưa rõ ý.

+ Đoạn văn dùng từ chưa hay.

+ Đoạn văn viết đơn giản, câu văn ngắn.

+ MB trực tiếp viết lại thành mở bài gián tiếp.

+ KB không mở rộng viết thành KB mở rộng.

3. HD ứng dụng (1p)

- 1 HS đọc: Kể 1 câu chuyện em đã nghe, đã đọc về lòng nhân hậu

- HS lắng nghe

- Lắng nghe

- HS nhận bài

- HS thảo luận phát hiện lỗi, tìm cách sửa lỗi.

- 3 đến 5 HS đọc.

- HS tự chọn đoạn văn cần viết.

- Ghi nhớ các lỗi sai và có ý thức không lặp lại các lỗi sai đó

4. HĐ sáng tạo (1p)	- Chia sẻ đoạn văn đã viết lại và nêu được những sáng tạo của mình trong đoạn văn.
----------------------------	--

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

KHOA HỌC (VNEN)

NGUỒN NƯỚC QUANH TA SẠCH HAY Ô NHIỄM (T 2)

.....

.....

.....

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

NGUYÊN NHÂN LÀM NƯỚC BỊ Ô NHIỄM

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nêu được một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước:
 - + Xả rác, phân, nước thải bừa bãi,...
 - + Sử dụng phân bón hoá học, thuốc trừ sâu.
 - + Khói bụi và khí thải từ nhà máy, xe cộ,...
 - + Vỡ đường ống dẫn dầu,...
- Nêu được tác hại của việc sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm đối với sức khỏe con người: lan truyền nhiều bệnh, 80% các bệnh là do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm.

2. Kỹ năng

- Xác định được các nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước

3. Thái độ

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.
 - * *KNS: - Tìm kiếm và xử lí thông tin về nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm*
 - Trình bày thông tin về nguyên nhân làm nguồn nước bị ô nhiễm*
 - Bình luận, đánh giá về các hành động gây ô nhiễm môi trường*
 - * *BVMT: Ô nhiễm nguồn nước*

II. CHUẨN BI :

1. Đồ dùng

- GV: Các hình minh họa trong SGK trang 54, 55 (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: SGK,

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

1. Khởi động (5p)

+ *Thế nào là nước sạch?*

+ *Thế nào là nước bị ô nhiễm?*

- GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới.

- TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét

+ *Nước sạch là nước trong suốt, không màu,...*

+ *Nước bị ô nhiễm là nước có màu, có chất bẩn,...*

2. Bài mới: (30p)

* **Mục tiêu:** Nêu được một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước. Tác hại của việc sử dụng nước bị ô nhiễm

* **Cách tiến hành:** Cá nhân-Nhóm- Lớp

1. Tìm hiểu một số nguyên nhân làm ô nhiễm nước.

- Yêu cầu HS các nhóm quan sát các hình minh họa 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 trang 54 / SGK,

1. Hãy mô tả những gì em nhìn thấy trong hình vẽ? Theo em, việc làm đó sẽ gây ra điều gì?

Nhóm 4 - Lớp

+ **Hình 1:** Hình vẽ nước chảy từ nhà máy không qua xử lý xuống sông. Nước sông có màu đen, bẩn. Nước thải chảy ra sông làm ô nhiễm nước sông, ảnh hưởng đến con người và cây trồng.

+ **Hình 2:** Hình vẽ một ống nước sạch bị vỡ, các chất bẩn chui vào ống nước, chảy đến các gia đình có lẫn các chất bẩn. Nước đó đã bị bẩn. Điều đó làm nguồn nước sạch bị nhiễm bẩn.

+ **Hình 3:** Hình vẽ một con tàu bị đắm trên biển. Dầu tràn ra mặt biển. Nước biển chỗ đó có màu đen. Điều đó dẫn đến ô nhiễm nước biển.

+ **Hình 4:** Hình vẽ hai người lớn đang đổ rác, chất thải xuống sông và một người đang giặt quần áo. Việc làm đó sẽ làm cho nước sông bị nhiễm bẩn, bốc mùi hôi thối.

+ **Hình 5:** Hình vẽ một bác nông dân đang bón phân hoá học cho rau. Việc

- GV theo dõi câu trả lời của các nhóm để nhận xét, tổng hợp ý kiến.

*** Kết luận:** Có rất nhiều việc làm của con người gây ô nhiễm nguồn nước. Nước rất quan trọng đối với đời sống con người, thực vật và động vật, do đó chúng ta cần hạn chế những việc làm có thể gây ô nhiễm nguồn nước.

HĐ2: Thảo luận về tác hại của sự ô nhiễm nước:

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.

+ Nguồn nước bị ô nhiễm có tác hại gì đối với cuộc sống của con người, động vật và thực vật?

GV: Nguồn nước bị ô nhiễm gây hại cho sức khỏe con người, TV, ĐV. Đó là môi trường để các vi sinh vật có hại sinh sống. Chúng là nguyên nhân gây bệnh và lây bệnh chủ yếu. Trong thực tế cứ 100 người mắc bệnh thì có đến 80 người mắc các bệnh liên quan đến nước. Vì vậy chúng ta phải hạn chế những việc làm có thể làm cho nước bị ô nhiễm.

+ Chúng ta cần làm gì để bảo vệ nguồn nước?

làm đó sẽ gây ô nhiễm đất và mạch nước ngầm.

+ **Hình 6:** Hình vẽ một người đang phun thuốc trừ sâu cho lúa. Việc làm đó gây ô nhiễm nước.

+ **Hình 7:** Hình vẽ khí thải không qua xử lý từ các nhà máy thải ra ngoài. Việc làm đó gây ra ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước mưa.

+ **Hình 8:** Hình vẽ khí thải từ các nhà máy làm ô nhiễm nước mưa. Chất thải từ nhà máy, bãi rác hay sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu ngấm xuống mạch nước ngầm làm ô nhiễm mạch nước ngầm.

Nhóm 2 – Lớp

+ Nguồn nước bị ô nhiễm là môi trường tốt để các loại vi sinh vật sống như: rong, rêu, tảo, bọt gầy, ruồi, muỗi, ... Chúng phát triển và là nguyên nhân gây bệnh và lây lan các bệnh: Tả, lỵ, thương hàn, tiêu chảy, bại liệt, viêm gan, đau mắt hột, ...

- HS quan sát, lắng nghe.

- HS nêu

3. Hoạt động ứng dụng (1p)	- Thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước tại gia đình, địa phương
4. Hoạt động sáng tạo (1p)	- Vẽ tranh cổ động, tuyên truyền bảo vệ nguồn nước.

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 30 tháng 11 năm 2018

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÂU HỎI VÀ DẤU CHẤM HỎI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Hiểu được tác dụng của câu hỏi và dấu hiệu chính để nhận biết chúng (ND Ghi nhớ).

2. Kỹ năng

- Xác định được CH trong một văn bản (BT1, mục III); bước đầu biết đặt CH để trao đổi theo nội dung, yêu cầu cho trước (BT2, BT3).

3. Thái độ

- Hs có chú ý hơn trong việc viết văn có đặt câu hỏi.

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Giấy khổ to, kẻ sẵn cột ở bài tập 1 và bút dạ.

+ Bảng phụ ghi sẵn đáp án và phần nhận xét.

- HS: Vở BT, bút, ..

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5p) - Dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hình thành KT (15p) * Mục tiêu: Hiểu được tác dụng của câu hỏi và dấu hiệu chính để nhận biết chúng (ND Ghi nhớ). * Cách tiến hành:	

a. Nhận xét**Bài 1:**

- Yêu cầu HS mở SGK/125 đọc thầm bài *Người tìm đường lên các vì sao* và tìm các câu hỏi trong bài.

Bài 2, 3:

+ Các câu hỏi ấy là của ai và để hỏi ai?

+ Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đó là câu hỏi?

+ Câu hỏi dùng để làm gì?

+ Câu hỏi dùng để hỏi ai?

- Treo bảng phụ, phân tích cho HS hiểu.

Câu hỏi	Của ai
1. Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được	Xi- ô- cốp- xki
2. Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách và dụng cụ thí nghiệm như thế?	Một người bạn.

b. Ghi nhớ:

- Gọi HS đọc phần ghi nhớ.

3. Hoạt động thực hành (18p)

* **Mục tiêu:** Xác định được CH trong một văn bản (BT1, mục III); bước đầu biết đặt CH để trao đổi theo nội dung, yêu cầu cho trước (BT2, BT3).

*** Cách tiến hành:**

Bài 1: Tìm câu hỏi trong bài “ Thưa chuyện với mẹ, Hai bàn tay”.

- Gọi 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu và ND bài tập.

Cá nhân- Nhóm 2- Lớp

- Mở SGK đọc thầm, dùng bút chì gạch chân dưới các câu hỏi.

- Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp

Đáp án:

1. Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được?

2. Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách vở và dụng cụ thí nghiệm như thế?

Nhóm 2- Chia sẻ lớp

+ Câu hỏi 1 của Xi- ô- cốp- xki tự hỏi mình.

+ Câu hỏi 2 là của người bạn hỏi Xi- ô- cốp- xki.

+ Các câu này đều có dấu chấm hỏi và có từ để hỏi: Vì sao? Như thế nào?

+ Câu hỏi dùng để hỏi những điều mà mình chưa biết.

+ Câu hỏi dùng để hỏi người khác hay hỏi chính mình.

- Đọc và lắng nghe.

Hỏi ai	Dấu hiệu
Tự hỏi mình	- Từ :vì sao. - Dấu chấm hỏi.
Xi- ô- cốp- xki	- Từ: thế nào. - Dấu chấm hỏi.

- HS lấy VD câu hỏi để hỏi người khác và tự hỏi mình

- 1 HS đọc

- Kết luận về lời giải đúng.		- HS làm nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp		
TT	Câu hỏi	Câu hỏi của ai	Đề hỏi ai	Từ nghi vấn
1	Bài thừa chuyện với mẹ <i>Con vừa bảo gì?</i> <i>Ai xui con thế?</i>	<i>Câu hỏi của mẹ.</i> <i>Câu hỏi của mẹ.</i>	<i>Hỏi Cương</i> <i>Hỏi Cương</i>	<i>gì</i> <i>thế</i>
2	Bài hai bàn tay <i>Anh có yêu nước không?</i> <i>Anh có thể giữ bí mật không?</i> <i>Anh có muốn đi với tôi không?</i> <i>Nhưng chúng ta lấy đâu ra tiền?</i> <i>Anh sẽ đi với tôi chứ?</i>	<i>Câu hỏi của Bác Hồ.</i> <i>Câu hỏi của Bác Hồ.</i> <i>Câu hỏi của Bác Hồ.</i> <i>Câu hỏi của Bác Lê.</i> <i>Câu hỏi của Bác Hồ.</i>	<i>Hỏi bác Lê.</i> <i>Hỏi bác Lê.</i> <i>Hỏi bác Lê.</i> <i>Hỏi bác Hồ.</i> <i>Hỏi bác Lê.</i>	<i>có ...</i> <i>không</i> <i>có ...</i> <i>không</i> <i>có ...</i> <i>không</i> <i>đâu</i> <i>chứ.</i>
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu và mẫu. - Viết bảng câu văn: <i>Về nhà, bà kể lại chuyện, khiến Cao Bá Quát vô cùng ân hận.</i> - Gọi 2 HS giỏi lên thực hành hỏi – đáp mẫu hoặc GV hỏi – 1 HS trả lời. + <i>Về nhà bà cụ làm gì?</i> + <i>Bà cụ kể lại chuyện gì?</i> + <i>Vì sao Cao Bá Quát ân hận?</i> - Yêu cầu HS thực hành hỏi – đáp theo cặp. - Gọi HS trình bày trước lớp. - Nhận xét về cách đặt câu hỏi, ngữ điệu trình bày Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự đặt câu. - Gọi HS đọc câu mình đặt, HS khác theo dõi, nhận xét. - Nhận xét khen HS đặt câu hay, hỏi		Nhóm 2- Lớp - HS đọc thành tiếng yêu cầu bài tập. - Đọc thầm câu văn. - 2 HS thực hành hoặc 1 HS thực hành cùng GV. + <i>Về nhà bà cụ kể lại chuyện xảy ra cho Cao Bá Quát nghe.</i> + <i>Bà cụ kể lại chuyện bị quan sai lính đuổi ra khỏi huyện đường.</i> + <i>Cao Bá Quát ân hận vì mình viết chữ xấu nên bà cụ bị đuổi ra khỏi cửa quan, không giải được nỗi oan ức.</i> - 2 HS ngồi cùng bàn thực hành trao đổi. - 3 đến 5 cặp HS trình bày. - Lắng nghe. Cá nhân - Chia sẻ lớp - HS đọc thành tiếng yêu cầu. - HS tự đặt câu, sau đó lần lượt nói câu của mình. + <i>Mình để bút ở đâu nhỉ?</i> + <i>Quyển sách Toán của mình đâu rồi nhỉ?</i>		

<p>đúng ngữ điệu.</p> <p>* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt và trình bày câu hỏi đúng đặc điểm.</p> <p>3. HD ứng dụng (1p)</p> <p>4. HD sáng tạo (1p)</p>	<p>+ Cô này trông quen quá, hình như mình đã gặp ở đâu rồi nhỉ?</p> <p>+ Tại sao bài này mình lại quên cách làm được nhỉ?</p> <p>- Ghi nhớ hình thức và tác dụng của câu hỏi.</p> <p>- Tìm các đoạn văn, thơ, truyện trong sách có chứa câu hỏi và cho biết câu hỏi đó dùng làm gì.</p>
---	---

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 65: LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- củng cố kiến thức về bảng đơn vị đo khối lượng, cách chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích; nhân với số có 2 chữ số, 3 chữ số.

2. Kỹ năng

- Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng; diện tích (cm^2 , dm^2 , m^2).

- Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số.

- Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính, tính nhanh.

3. Thái độ

- Tính chính xác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

4. Góp phần phát triển các NL

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (dòng 1), bài 3

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (5p)	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại

<p>- GV dẫn vào bài mới</p>	<p>chỗ</p>
<p>2. Hoạt động thực hành: (30p)</p> <p>* Mục tiêu: Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng; diện tích. Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số. Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính, tính nhanh.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ trống.</p> <p>- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.</p> <p>- Cùng cố cách đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích, mối liên hệ giữa các</p> <p>* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2</p> <p>Bài 2(dòng 1) (HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài)</p> <p>- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS.</p> <p>- Cùng cố cách nhân với số có 2, 3 chữ số, thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức.</p> <p>* Giúp đỡ hs M1+M2</p> <p>Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất:</p> <p>- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.</p> <p>- Cùng cố cách tính thuận tiện, lưu ý áp dụng các tính chất: giao hoán, kết</p>	<p>- Thực hiện theo yêu cầu của GV.</p> <p>- HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp</p> <p>Đ/a:</p> <p>a. 10kg = 1 yến 100 kg = 1 tạ 50 kg = 5 yến 300 kg = 3 tạ 80 kg = 8 yến 1200 kg = 12 tạ</p> <p>b. 1000 kg = 1 tấn 10 tạ = 1 tấn 8000 kg = 8 tấn 30 tạ = 3 tấn 15 000 kg = 15 tấn 200 tạ = 20 tấn</p> <p>c. 100 cm² = 1 dm² 100 dm² = 1 m² 800 cm² = 8 dm² 900 dm² = 9 m² 1700 cm² = 17m²; 1000 dm² = 10 m²</p> <p>- HS làm cá nhân vào vở - Chia sẻ lớp</p> <p>- 3 em lên bảng, lớp làm bảng con.</p> <p>Đ/a:</p> <p>268 x 235 = 62 980 475 x 205 = 97375 45 x 12 + 8 = 540 + 8 = 548</p> <p>- HS làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp</p> <p>Đ/a:</p> <p>a) 2 x 39 x 5 b) 302 x 16 + 302 x 4 = (2 x 5) x 39 = 302 x (16 + 4) = 10 x 39 = 302 x 20 = 390 = 6 040</p> <p>c) 769 x 85 – 769 x 75 = 769 x (85 – 75) = 769 x 10 = 7 690</p>

hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu).

*** Yêu cầu Hs M3+M4 thực hiện tốt cách nhân thuận tiện**

Bài 4 + Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)

3. HD ứng dụng (1p)

4. HD sáng tạo (1p)

- HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp
Bài 4:

Bài giải

Đổi: 1 giờ 15 phút = 75 phút

1 phút cả hai vòi nước cùng chảy được:

$$25 + 15 = 40 \text{ (l)}$$

Sau 75 phút cả hai vòi nước chảy được:

$$40 \times 75 = 3000 \text{ (l)}$$

Đ/ s: 3000 lít nước

Bài 5:

a) $S = a \times a$

b) Với $a = 25\text{m}$ thì $S = 25 \times 25 = 625 \text{ m}^2$

c. $2 \times 250 \times 50 \times 8$

- Ghi nhớ các KT đã ôn tập

- Giải bài 4 bằng cách 2

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....
.....
.....

TẬP LÀM VĂN ÔN TẬP VĂN KỂ CHUYỆN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Hiểu được một số đặc điểm đã học về văn kể chuyện (nội dung, nhân vật, cốt truyện);

2. Kỹ năng

- Kể được một câu chuyện theo đề tài cho trước; hiểu được nhân vật, tính cách của nhân vật và ý nghĩa câu chuyện đó để trao đổi với bạn.

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác làm bài.

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ ghi sẵn các kiến thức cơ bản về văn kể chuyện.

- HS: SGK, truyện đọc lớp 4.